

MUA

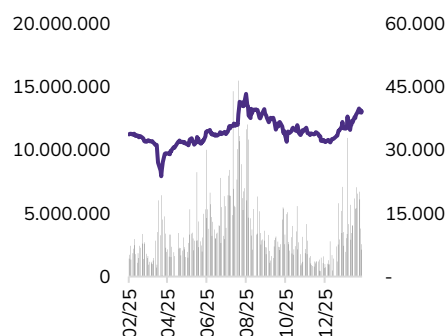
Lê Thị Kim Huê

Email: hue. lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Phân bón
Ngày báo cáo	: 02/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 42.950
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 50.100
Tỷ lệ tăng (%)	: +16,6%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 22.738
SLCPLH (CP)	: 529.400.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	18,2%	7,5%
Tăng trưởng LNST (%)	-25,2%	5,7%
Biên LNG (%)	19,2%	27,7%
Biên LNST (%)	8,8%	8,6%
ROA (%)	2,3%	2,2%
ROE (%)	3,6%	3,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,13	0,21
EPS (VND/CP)	532	362
BVPS (VND/CP)	19.162	20.228

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Doanh thu 2025 cao kỷ lục, các mảng kinh doanh đều khởi sắc

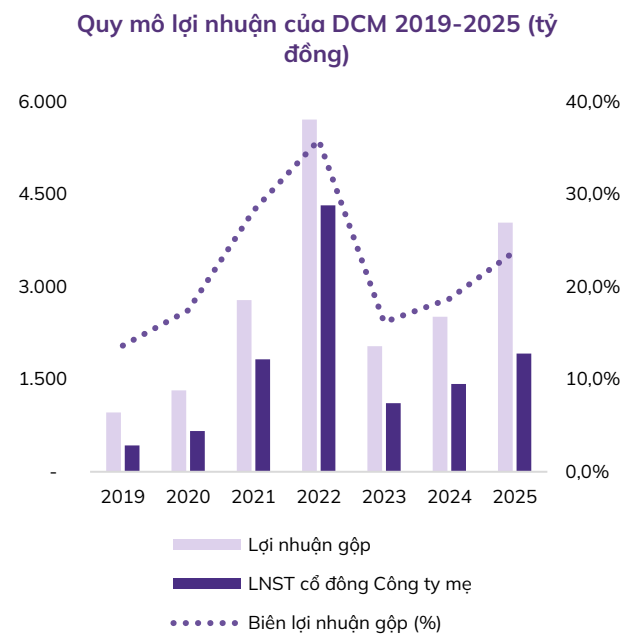
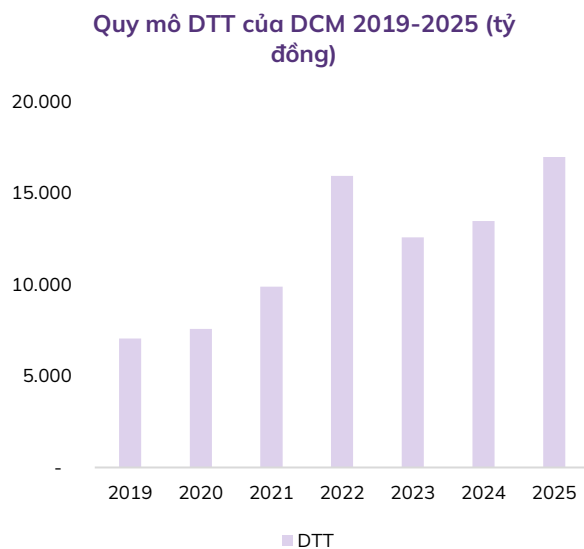
- **Q4/2025, doanh thu lợi nhuận tăng trưởng ổn định svck:**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) của DCM đạt 4.528 tỷ đồng (+7,5% svck). Lợi nhuận gộp đạt 1.252 tỷ đồng (+54,9% svck), biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 27,7% (+8,5 điểm % svck). KQKD trên chủ yếu do: i) Giá bán tăng +10,2% svck trong khi giá khí đầu vào sụt giảm theo sự suy yếu của giá dầu; ii) Chính sách hoàn thuế VAT được áp dụng từ tháng 7/2025 làm giá vốn hàng bán giảm xuống svck.
 - ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh lên 855 tỷ đồng (+66,2% svck) trong khi doanh thu tài chính và chi phí tài chính đều giảm lần lượt -53,4% & -22% svck về còn 54 & 20 tỷ đồng. **Kết quả, Q4/2025, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 390 tỷ đồng (+5,7% svck).**
- **Doanh thu 2025 lên mức cao nhất lịch sử, các mảng kinh doanh đều khả quan:**
 - ✓ Lũy kế năm 2025, DTT của DCM đạt 16.961 tỷ đồng (+26% svck), mức cao nhất lịch sử hoạt động của DCM, Lợi nhuận gộp đạt 4.035 tỷ đồng (+60,5% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 23,8% (+5,1 điểm % svck). Trong đó:
 - **Mảng phân Ure – mảng chủ lực của DCM – tăng trưởng tích cực.** DTT đạt 8.648 tỷ đồng (+12,3% svck, chiếm 49,3% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 3.450 tỷ đồng (+56,6% svck, chiếm 74,6% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp đạt 39,9% (+11,3 điểm % svck). Sản lượng kinh doanh phân Ure chỉ đi ngang svck khi đạt 805 nghìn tấn. Tuy nhiên, giá bán bình quân tăng +12,3% svck lên 10.747 đồng/kg trong khi giá vốn bình quân giảm -5,5% svck. Đáng chú ý, DCM đã tận dụng được những thời điểm nhu cầu trong nước yếu và giá bán tăng cao trên thị trường quốc tế để gia tăng xuất khẩu với doanh thu từ xuất khẩu Ure đạt 4.052 tỷ đồng (+60,8% svck). Các thị trường xuất khẩu chính của DCM phải kể đến Campuchia, Australia, New Zealand, các nước Đông Nam Á khác...
 - **Mảng phân NPK tăng trưởng ấn tượng.** DTT mảng này đạt 3.878 tỷ đồng (+38,7% svck, chiếm 22,1% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 597 tỷ đồng (+48,4% svck, chiếm 12,9% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp đạt 15,4% (+1 điểm % svck). Sản lượng tiêu thụ phân NPK trong năm 2025 đạt 238 nghìn tấn (+35,4% svck), trong khi giá bán và giá vốn tăng nhẹ lần lượt +2,5% & +1,3% svck. Kết quả này cho thấy khả năng thâm nhập của dòng sản phẩm NPK công nghệ Polyphosphate trong việc đáp ứng nhu cầu đa dinh dưỡng cho cây trồng, trực tiếp thuyết phục nông dân chuyển dịch từ phân bón đơn sang phân bón hỗn hợp cao cấp.
 - **Mảng phân bón thương mại – tối ưu hóa chuỗi cung ứng.** DTT mảng này đạt 4.008 tỷ đồng (+64,3% svck, chiếm 22,8% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 191 tỷ đồng (+27,1% svck, chiếm 4,1% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp đạt 4,8% (-1,4 điểm % svck). Sản lượng phân bón kinh doanh đạt 343 nghìn tấn (+34,9% svck). Việc mở rộng mảng thương mại giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí cố định và tăng khả năng đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường.

- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng lên 2.189 tỷ đồng (+46,4 svck) do các chi phí quảng cáo, chi phí vận chuyển, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhân viên quản lý & trích quỹ phát triển khoa học công nghệ tăng svck.
- ✓ Doanh thu tài chính tăng lên 402 tỷ đồng (+5,3% svck), chi phí tài chính tăng +26,6% svck lên 97 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền vay tăng +58,6% svck lên 70 tỷ đồng khi DCM tăng mạnh nợ vay ngắn hạn trong kỳ. Bên cạnh đó, lãi từ hoạt động khác cũng giảm mạnh về còn 6 tỷ đồng (-97,2% svck) do năm 2024 DCM ghi nhận khoản lãi hợp nhất kinh doanh KVF.
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2025 của DCM đạt 1.915 tỷ đồng (+34,9% svck), hoàn thành 113,2% kế hoạch doanh thu đã điều chỉnh & 132,4% kế hoạch LNST năm 2025 đã điều chỉnh.**

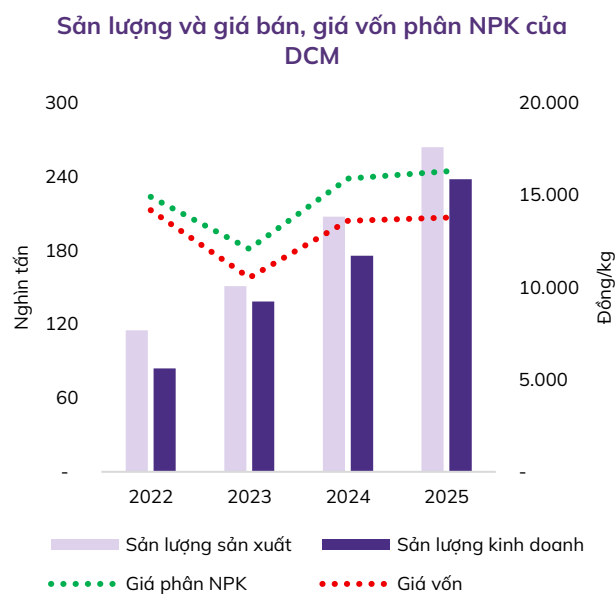
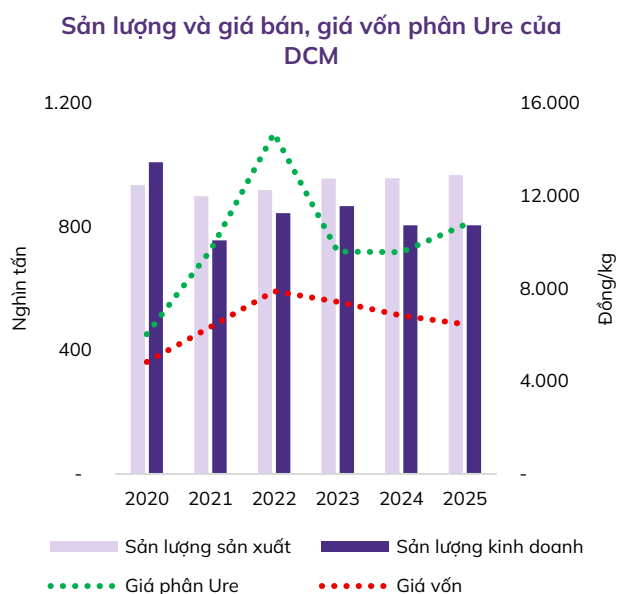
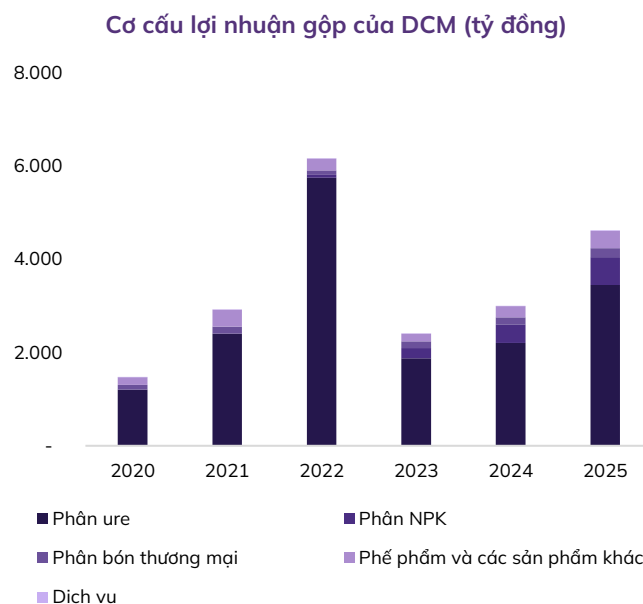
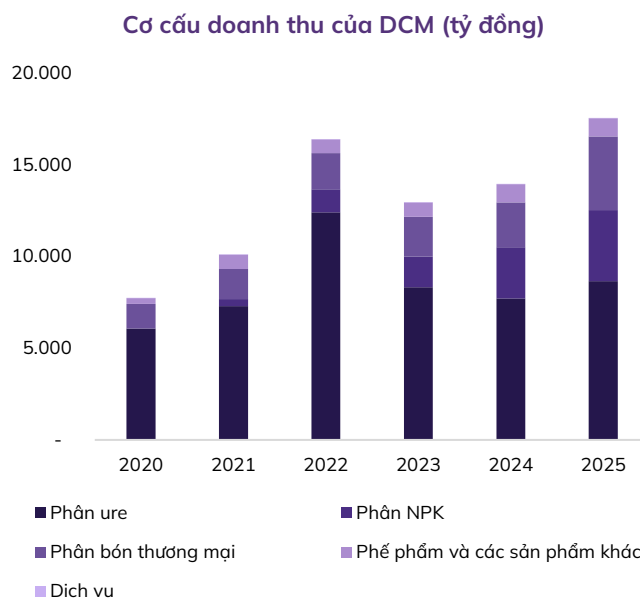
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	4.214	4.528	7,5%	13.456	16.961	26,0%
Lợi nhuận gộp	808	1.252	54,9%	2.513	4.035	60,5%
Biên LN gộp	19,2%	27,7%		18,7%	23,8%	
Chi phí BH & QLDN	(514)	(855)	66,2%	(1.495)	(2.189)	46,4%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	12,2%	18,9%		11,1%	12,9%	
Doanh thu tài chính	117	54	-53,4%	382	402	5,3%
Chi phí tài chính	(25)	(20)	-22,0%	(77)	(97)	26,6%
Chi phí lãi vay	(16)	(18)	14,9%	(44)	(70)	58,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	386	432	12,0%	1.323	2.151	62,6%
Lợi nhuận trước thuế	393	436	10,9%	1.522	2.157	41,7%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	369	390	5,7%	1.420	1.915	34,9%
Biên LN ròng	8,8%	8,6%		10,6%	11,3%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research



Nguồn: FiinPro, ABS Research



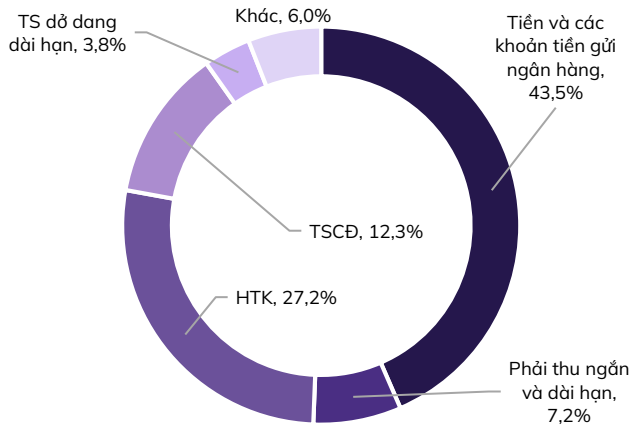
Nguồn: DCM, FiinPro, ABS Research

• Tình hình tài chính lành mạnh:

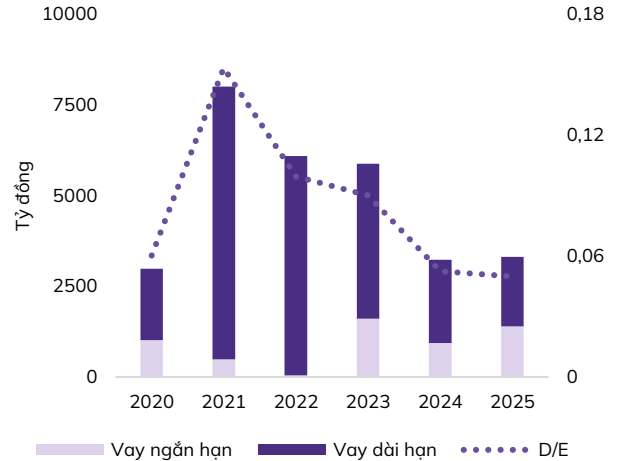
- ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/12/2025, DCM có 7.672 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (-14,2% so với cuối năm 2024), chiếm 43,5% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào sẽ giúp DCM có thể chủ động trong các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt khá đều, trong đó năm 2020 tỷ lệ chi trả cổ tức của DCM là 8%, năm 2021 là 18%, năm 2022 là 30%, năm 2023 là 20%, năm 2024 là 20% và năm 2025 & 2026 dự kiến là 10%.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn & hàng tồn kho có xu hướng tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 1.263 tỷ đồng (+139% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 7,2% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 110,4 tỷ đồng. Trong khi đó, hàng tồn kho chiếm 27,2% cơ cấu TTS, trị giá 4.804 tỷ đồng (+62,8% so với thời điểm cuối năm 2024), trích lập dự phòng 71,3 tỷ đồng, trong đó một số khoản mục tăng mạnh như: chi phí SXKD dở dang tăng mạnh lên 450,5 tỷ đồng (+159,4% so với cuối năm 2024), hàng hóa tăng +239,2% so với cuối năm 2024 lên 1.859 tỷ đồng, thành phẩm tăng lên 1.750 tỷ đồng (+17,5% so với cuối năm 2024). Chúng tôi cho rằng việc gia tăng tích trữ hàng tồn kho là chiến lược chủ động của DCM nhằm chuẩn bị cho hoạt động xuất khẩu tăng mạnh thời gian tới.

- ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp mặc dù nợ vay tăng mạnh trong kỳ.** Trong kỳ, nợ vay của DCM đã tăng mạnh lên 2.282 tỷ đồng (+69,2% so với thời điểm cuối năm 2024), trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn đạt 2.226 tỷ đồng (+81,1% so với cuối năm 2024). Chúng tôi đánh giá việc tăng nợ vay, phần lớn là nợ vay ngắn hạn của DCM, chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Mặc dù nợ vay tăng mạnh nhưng đòn bẩy tài chính vẫn khá thấp, hệ số D/E chỉ ở mức 0,21 lần. Nhìn chung, từ năm 2019 tới nay, hệ số D/E không vượt qua 0,3 lần, thậm chí năm 2022 công ty còn hầu như không có nợ vay (chỉ vay 3,6 tỷ đồng, hệ số D/E gần như bằng 0).

Cơ cấu TTS của DCM tại 31/12/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của DCM



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng - Chúng tôi đánh giá triển vọng của DCM thời gian tới tiếp tục ổn định dựa trên các yếu tố sau:**
- ✓ **Thị trường phân bón được dự báo tiếp tục ổn định trong năm 2026.** Theo Global Growth Insight, thị trường toàn cầu tiếp tục mở rộng với mức tăng trưởng bình quân (~3% CAGR trong giai đoạn 2026–2035), thúc đẩy bởi nhu cầu thực phẩm và cải thiện hiệu quả nông nghiệp. Đối với thị trường Việt Nam, nhu cầu phân bón vẫn được hỗ trợ nhờ giá nông sản duy trì ở mức tốt, tạo động lực để nông dân đầu tư trở lại cho sản xuất. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành phân bón Việt Nam giai đoạn 2025-2033 tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Trong khi đó, giá phân bón năm 2026 dự báo sẽ ổn định, đi ngang svck.
- ✓ **Biên lợi nhuận của DCM có thể tiếp tục cải thiện do giá khí đầu vào kỳ vọng giảm svck.** Mặc dù căng thẳng địa chính trị vẫn tiếp diễn nhưng chúng tôi cho rằng triển vọng giá dầu năm 2026 nhìn chung vẫn yếu do cung vượt cầu, tồn kho tăng cao và cạnh tranh sản xuất từ Mỹ, Brazil, Guyana & các nước ngoài OPEC+ tiếp tục gia tăng sản xuất.
- ✓ **Động lực tăng trưởng mới từ xuất khẩu & tự doanh.** Trong năm 2025, doanh thu xuất khẩu Ure & NPK của DCM đã tăng mạnh +60,8% & +69,9% svck lên 4.052 tỷ đồng & 248,9 tỷ đồng. Tính sơ bộ, 5 năm qua, DCM đã xuất khẩu hơn 1 triệu tấn Ure đến hơn 20 thị trường lớn ở khắp thế giới, trong đó thị trường xuất khẩu lớn nhất của DCM vẫn là Campuchia. DCM cũng tiến sâu vào thị trường khó tính như Australia & New Zealand, trong tháng 1/2026 DN đã xuất khẩu hơn 32.000 tấn phân bón sang Australia. Mới đây, trong đầu năm 2026, DCM đã xuất khẩu lô hàng phân bón đầu tiên với khối lượng 40.000 tấn sang Hoa Kỳ - một trong những thị trường có yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng khắt khe hàng đầu thế giới. Công ty đã tận dụng giai đoạn thấp điểm của thị trường phân bón trong nước do nhu cầu sản xuất nông nghiệp giảm sau Tết để chủ động đẩy mạnh xuất khẩu nhằm tận dụng diễn biến thuận lợi của giá phân bón thế giới đang ở mức tích cực. Theo đại diện của DCM cho biết hoạt động xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, ước đạt 150 nghìn tấn trong Q1/2026 (+25% svck). Bên cạnh đó, hoạt động tự doanh cũng trở thành động lực tăng trưởng mới của DCM khi DN có thể tận dụng được hệ thống logistics, kho bãi, đại lý phân phối để tối ưu hóa chi phí sản xuất cố định.

- ✓ **Liên tục cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất vận hành & giảm chi phí sản xuất.** Công suất thiết kế của Nhà máy Đạm Cà Mau đã được nâng từ 100% lên 120,8% thông qua việc xử lý các điểm nghẽn công nghệ và áp dụng các giải pháp đổi mới. Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu nâng công suất lên tới 125%.
- ✓ **Hưởng lợi từ Luật VAT sửa đổi.** Việc đưa phân bón từ diện không chịu thuế VAT sang diện chịu thuế VAT 5% giúp DCM được hoàn thuế VAT đầu vào trong cả năm 2026, so với năm 2025 chỉ được hoàn thuế trong nửa cuối năm. Chúng tôi ước tính việc khấu trừ thuế VAT này có thể giúp DCM tiết kiệm 380-450 tỷ đồng trong năm 2026.
- ✓ **Chi phí khấu hao có thể tiếp tục duy trì ở mức thấp trong giai đoạn từ nay tới năm 2027, giúp hỗ trợ lợi nhuận cho DN nhưng khoản mục này dự kiến có thể tăng lên từ năm 2028.** Năm 2024, chi phí khấu hao của DCM giảm mạnh xuống còn 268 tỷ đồng (-75,3% svck) và năm 2025 chi phí tiếp tục duy trì ở mức thấp 339 tỷ đồng khi mà Nhà máy sản xuất Ure của DCM đã hết khấu hao từ Q4/2023. Điều này phần nào giúp cải thiện lợi nhuận cho DCM. Chúng tôi cho rằng mức khấu hao thấp có thể tiếp tục được duy trì trong thời gian từ nay tới 2027 và từ đó hỗ trợ lợi nhuận cho DN. Tuy nhiên, mức khấu hao dự kiến có thể tăng lên từ năm 2028 do DCM xác định phát triển bến cảng tại Nhơn Trạch (Đồng Nai) để hỗ trợ hoạt động NPK và dịch vụ thương mại từ năm 2028, mở rộng công suất Nhà máy Ure lên 125% (dự kiến hoàn thành vào năm 2028), tăng kho bãi, chuỗi phân phối, và các dự án liên quan đến khí công nghiệp/hóa chất phục vụ sản xuất và thương mại. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng này đòi hỏi DCM sẽ phải đầu tư một khoản CAPEX lớn trong giai đoạn 2025-2028, và khi các tài sản cố định mới sẽ phải trích khấu hao sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2028.
- **Dự phóng & định giá:**
 - ✓ ABS Research dự phóng DTT & LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của DCM dự kiến đạt 18.058 tỷ đồng (+6,5% svck) & 2.068 tỷ đồng (+8% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 3.907 đ/cp & 23.136 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 10,99 và 1,86 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 16,9%.
 - ✓ Chúng tôi xác định giá mục tiêu của DCM là 50.100 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh P/E & P/B (+16,6% so với giá hiện tại). Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu DCM.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DCM

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	15.925	12.571	13.456	16.961
Giá vốn hàng bán	-10.221	-10.539	-10.942	-12.926
Lợi nhuận gộp	5.703	2.032	2.513	4.035
Doanh thu tài chính	301	577	382	402
Chi phí tài chính	-60	-27	-77	-97
Chi phí bán hàng	-698	-801	-1.014	-1.207
Chi phí QLDN	-653	-549	-481	-982
Lợi nhuận từ HĐKD	4.593	1.232	1.323	2.151
Lãi/Lỗ khác	3	22	199	6
Lợi nhuận trước thuế	4.596	1.255	1.522	2.157
Lợi nhuận sau thuế	4.321	1.110	1.428	1.917
LNST cổ đồng Công ty mẹ	4.316	1.109	1.420	1.915

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	5.413	2.204	37	-1.408
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-2.385	-1.469	141	3.021
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.631	-754	-625	-123
LCT thuần trong kỳ	1.397	-19	-447	1.490
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	428	2.126	2.284	1.903
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	2.126	2.284	1.903	3.590

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	4,04	2,99	2,76	2,42
Khả năng thanh toán nhanh	3,17	2,41	2,02	1,49
Khả năng thanh toán tiền mặt	3,11	2,33	1,91	1,28
Khả năng thanh toán lãi vay	448,34	124,56	35,30	31,63

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,75	0,65	0,65	0,61
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,25	0,35	0,35	0,39
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,00	0,09	0,13	0,21

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	0,5	2,9	6,7	10,6
Số ngày phải trả	32,6	52,3	60,1	47,7
Số ngày tồn kho	80,1	76,9	85,2	109,5

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	35,8%	16,2%	18,7%	23,8%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	27,3%	5,8%	8,1%	11,4%
Tỷ suất LNST	27,1%	8,8%	10,6%	11,3%
ROE	47,8%	10,8%	14,2%	18,3%
ROA	34,2%	7,6%	9,2%	11,5%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.126	2.284	1.903	3.590
+ Đầu tư ngắn hạn	6.812	8.242	7.039	4.082
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	188	366	529	1.263
+ Hàng tồn kho	2.283	2.161	2.950	4.804
+ Tài sản ngắn hạn khác	216	452	500	709
Tài sản ngắn hạn	11.624	13.504	12.921	14.449
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	1	1
+ Tài sản cố định	2.207	1.600	1.946	2.175
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	33	88	601	678
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	303	45	260	342
Tài sản dài hạn	2.543	1.733	2.808	3.196
Tổng Tài sản	14.167	15.238	15.729	17.645
+ Vay ngắn hạn	3	846	1.229	2.226
+ Nợ ngắn hạn khác	2.872	3.671	3.452	3.756
Nợ ngắn hạn	2.874	4.517	4.681	5.982
+ Vay dài hạn	1	3	120	57
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	686	754	751	866
Nợ dài hạn	687	757	871	923
Tổng nợ phải trả	3.561	5.275	5.552	6.905
+ Vốn cổ phần	5.294	5.294	5.294	5.294
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.018	2.045	1.883	1.864
+ Quỹ khác	2.293	2.625	3.001	3.583
Vốn chủ sở hữu	10.605	9.963	10.177	10.740
Tổng cộng nguồn vốn	14.167	15.238	15.729	17.645

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	61,3%	-21,1%	7,0%	26,0%
Tăng trưởng LNNT	133,3%	-72,5%	23,8%	42,2%
Tăng trưởng LNST	136,6%	-74,3%	28,6%	34,3%
Tăng trưởng VCSH	41,8%	-6,1%	2,1%	5,5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	28,0%	7,6%	3,2%	12,2%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	3,4	18,0	14,9	10,5
P/B	1,3	1,7	1,9	1,62
EPS	7.701	1.797	2.394	3.109
BVPS	19.978	18.768	19.162	20.228

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây